

Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế, đầu tư trực tiếp nước ngoài và năng lực cạnh tranh cấp tỉnh: Trường hợp tỉnh Hưng Yên

DẶNG QUÝ DƯƠNG*
HOÀNG XUÂN LÂM**
ĐINH VĂN TIẾN***

Tóm tắt

Nghiên cứu đánh giá mối quan hệ qua lại giữa tăng trưởng kinh tế (GRDP), đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tại tỉnh Hưng Yên. Qua chuỗi dữ liệu thu thập từ năm 1995 đến 2016, bằng phương pháp phân tích mô hình VAR, kết quả chỉ ra GRDP và PCI không ảnh hưởng đến thu hút FDI. FDI có tác động tích cực tới PCI và GRDP. Bên cạnh đó, GRDP không ảnh hưởng tới PCI. Từ kết quả này, nhóm tác giả đưa ra một số khuyến nghị giúp nâng cao sự phát triển kinh tế của Tỉnh.

Từ khóa: thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, tăng trưởng kinh tế, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tỉnh Hưng Yên

Summary

The study evaluates the reciprocal relationship among economic growth (GRDP), foreign direct investment (FDI) and provincial competitiveness index (PCI) in Hung Yen province. Through the data collected from 1995 to 2016, using the VAR model analysis method, the result shows that GRDP and CPI do not influence FDI attraction. FDI creates a positive impact on PCI and GRDP. In addition, GRDP has no effect on PCI. From this result, the authors provide some recommendations to boost Hung Yen province's economic development.

Keywords: FDI attraction, economic growth, provincial competitiveness index, Hung Yen province

GIỚI THIỆU

Trong những năm gần đây, một số tỉnh, như: Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương... được coi là khu vực có tổng thu hút đầu tư FDI nằm trong nhóm thu hút lớn của miền Bắc. Việc các nhà đầu tư FDI lựa chọn khu vực đầu tư xuất phát tiềm lực phát triển kinh tế của vùng hay quốc gia. Các quốc gia đang phát triển và có tốc độ GRDP tối sè là cơ hội cho nhà đầu tư FDI. Bên cạnh đó, các nhà đầu tư còn xem xét bỏ vốn dựa trên tiềm năng cũng như năng lực cạnh tranh của các tỉnh. Khi tỉnh có năng lực cạnh tranh cao sẽ làm cho nhà đầu tư thấy

hấp dẫn hơn khi khả năng thành công của dự án cao hơn. Đồng thời, mức độ hỗ trợ của tỉnh với nhà đầu tư nước ngoài cũng tốt hơn so với các tỉnh có chỉ số cạnh tranh thấp hơn

Đã có nhiều nhà nghiên cứu thực hiện xem xét đánh giá tác động của FDI tới tăng trưởng kinh tế, các kết quả đều chỉ ra tác động tích cực của FDI lên tăng trưởng (Sunde, 2017; Adams, 2009; Meyer và Nguyen, 2005). Cũng có nghiên cứu chỉ ra tác động tích cực của chỉ số CPI lên thu hút FDI và tăng trưởng (Nguyễn Thị Cẩm Hiếu, 2016). Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào thực hiện đánh giá mối quan hệ giữa FDI, PCI và GRDP, đặc biệt là ở Việt Nam. Do đó, tác giả thực hiện nghiên cứu mối quan hệ qua lại giữa 3 yếu tố này, trường hợp tại tỉnh Hưng Yên (Bài viết sử dụng cách viết số thập phân theo chuẩn quốc tế).

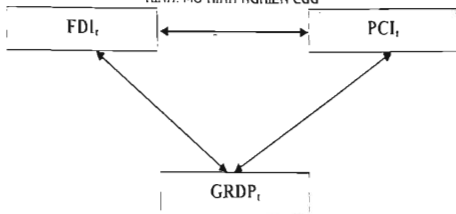
*TS., Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội

**TS., Trường Đại học Công nghệ và Quản lý Hữu Nghị

*** Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên

Ngày nhận bài: 02/04/2019; Ngày phản biện: 21/04/2019; Ngày duyệt đăng: 23/04/2019

HÌNH: MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU



CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đã đưa ra định nghĩa: "FDI xảy ra khi một nhà đầu tư từ một nước (nước chủ đầu tư) có được một tài sản ở một nước khác (nước thu hút đầu tư) cùng với quyền quản lý tài sản đó". Phương diện quản lý là thứ để phân biệt FDI với các công cụ tài chính khác.

Trong nghiên cứu này, tác giả định nghĩa FDI là sự di chuyển vốn, công nghệ hoặc bất kỳ tài sản nào từ nước ngoài đi đầu tư sang nước tiếp nhận đầu tư để thành lập hoặc kiểm soát doanh nghiệp nhằm mục đích kinh doanh có lãi. Một địa phương có quy mô thị trường càng lớn, sẽ hấp thụ mang lại nhiều lợi nhuận hơn.

Mối quan hệ giữa FDI và tăng trưởng kinh tế được xác định bởi các mô hình tăng trưởng tân cổ điển. Mô hình này cho rằng, tiến bộ công nghệ và lực lượng lao động là yếu tố ngoại sinh, do đó FDI làm tăng mức thu nhập trong nước khi nó không có tác dụng dài hạn lên tăng trưởng kinh tế. Tăng trưởng dài hạn có thể có thông qua sự phát triển công nghệ và dân số: nếu FDI ảnh hưởng tích cực đến công nghệ, thì nó tác động lên tăng trưởng kinh tế (Solow, 1956). Theo lý thuyết tăng trưởng nội sinh, Somwaru và Makki (2004) chỉ ra, FDI thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nếu nó tăng lợi nhuận trong sản xuất bằng việc chuyển giao công nghệ. Ngoài ra, Easterly và cộng sự (1995) lập luận rằng, chuyển giao công nghệ diễn ra thông qua 4 mô hình: chuyển giao công nghệ và ý tưởng mới; nhập khẩu công nghệ cao; áp dụng công nghệ nước ngoài và trình độ của nguồn nhân lực.

Bên cạnh đó, tăng trưởng kinh tế cũng được cho là có mối quan hệ đối với PCI. Chỉ số PCI tăng lên cho thấy, các yếu tố chính sách thu hút, phát triển nhân lực hay sự minh bạch của tỉnh đã thay đổi tích cực một cách mạnh mẽ. Các chỉ số cạnh tranh của tỉnh được cải thiện là nguồn lực tốt để thực hiện triển khai chiến lược, cũng như kế hoạch của tỉnh để ra một cách hiệu quả.

Mô hình và phương pháp nghiên cứu

Qua lược khảo các nghiên cứu đi trước, tác giả xây dựng mô hình nghiên cứu như Hình.

Trong đó:

FDI: Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

PCI: Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh

GRDP: Tổng trưởng kinh tế của tỉnh

Nhóm tác giả tiến hành thu thập dữ liệu từ Cục Thống kê tỉnh Hưng Yên với các chỉ tiêu trong giai đoạn từ năm 1990 tới 2016. Sau khi dữ liệu được thu thập, nhóm tác giả tiến hành mã hóa và đưa vào phần mềm Eviews để phân tích.

Kế thừa các phương pháp đã được sử dụng trong các nghiên cứu trước, số liệu được phân tích bằng mô hình VAR/VECM theo các bước như sau:

Kiểm tra tính dừng

Các biến nghiên cứu khi chạy hồi quy cần đảm bảo tính dừng. Chuỗi thời gian có tính dừng là chuỗi có trung bình, phương sai, hiệp phương sai không đổi tại mọi thời điểm phân trầm (Gurajati, 2009). Để kiểm định tính dừng của chuỗi thời gian, nhóm tác giả sử dụng kiểm định nghiệm đơn vị (Unit Root Test) dựa trên phương pháp ADF mở rộng (Gurajati, 2009). Phương pháp kiểm định ADF được mô tả như sau:

$$\Delta Y_t = \alpha_0 + \beta Y_{t-1} + \sum_{j=1}^k \phi_j \Delta Y_{t-j} + \varepsilon_t \quad (1)$$

Trong đó:

ΔY_t : Y: Chuỗi dữ liệu theo thời gian

k: Độ dài trễ

t: Nhiễu trắng

Nhiều trắng là số hạng chủ sai số ngẫu nhiên xuất phát từ các giả định cổ điển rằng nó có giá trị trung bình bằng 0, phương sai là hằng số và không tự tương quan.

Do kết quả kiểm định ADF khá nhạy với việc lựa chọn các độ trễ k, nên tiêu chuẩn thông tin AIC (Akaike's Information Criterion) của Akaike (1973) thường được lựa chọn. Cụ thể, độ trễ k được chọn sao cho giá trị AIC là nhỏ nhất. Giá trị này được tìm một cách tự động khi sử dụng phần mềm thực hiện kiểm định nghiệm đơn vị. Các giả thuyết kiểm định này là:

H0: $\beta=0$ (Chuỗi Yt không dừng)

H1: $\beta<0$ (Chuỗi Yt là chuỗi dừng)

Xác định độ trễ tối ưu

Quan hệ giữa các biến kinh tế thường có tác động trễ và cần xác định độ trễ tác động tối ưu trong các mô hình dựa trên dữ liệu thực nghiệm. Độ trễ tối ưu là độ trễ mà ở đó các biến trong mô hình tác động qua lại với nhau (không chỉ rõ biến

phụ thuộc) có ý nghĩa thống kê. Độ trễ tối ưu không cố định cho mọi mối quan hệ giữa các biến, trong ước lượng hồi quy, thì độ trễ này sẽ được sử dụng làm giá định ban đầu.

Kiểm tra các mối quan hệ dài hạn

Trong mỗi quan hệ giữa các biến kinh tế hay có các quan hệ dài hạn. Để xác định các mối quan hệ dài hạn giữa các biến, kinh tế lượng sử dụng kiểm định Johansen với chỉ số thống kê Trace (Gujarati, 2009). Cấp giả thuyết của kiểm định này được phát biểu như sau:

H0: Không tồn tại mối quan hệ dài hạn

H1: Tồn tại mối quan hệ dài hạn

Nếu kết quả chấp nhận giả thuyết H0, tức là không có mối quan hệ dài hạn. Ngược lại, nếu giả thuyết H1 được chấp nhận, tức là có quan hệ dài hạn giữa các biến. Trong trường hợp tồn tại quan hệ dài hạn, thì mô hình VECM sẽ được sử dụng. Ngược lại, nếu không tồn tại quan hệ dài hạn, thì mô hình VAR được coi là phù hợp để phân tích.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kiểm định tính dừng

Kết quả kiểm tra tính dừng ở Bảng 1 cho thấy, các biến số FDI và GRDP dừng ở sai phân bậc nhất, còn PCI dừng ngay ở bậc 0. Do vậy, tác giả sẽ tiến hành phân tích liên quan tới ảnh hưởng các biến đối với FDI qua biến số dừng này.

Kiểm tra quan hệ dài hạn

Kết quả Bảng 2 chỉ ra, không tồn tại mối quan hệ dài hạn giữa các biến, do đó mô hình VAR được coi là phù hợp để phân tích.

Lựa chọn độ trễ tối ưu

Với các biến dừng, tác giả tiến hành lựa chọn độ trễ tối ưu qua chỉ số AIC.

Bảng 3 cho thấy, độ trễ tối ưu được lựa chọn là độ trễ 1. Độ trễ này sẽ được tác giả sử dụng cho phân tích mô hình VAR.

Phân tích mô hình VAR

Kết quả mô hình cho từng biến phụ thuộc được thể hiện trong Bảng 4. Theo đó, các biến GRDP và PCI không ảnh hưởng tới FDI (p-value đều lớn hơn 0.05). FDI tác động tích cực tới GRDP tỉnh Hưng Yên (p-value nhỏ hơn 0.05), trong khi PCI thì không ảnh hưởng tới GRDP (p-value lớn hơn 0.05). Nghiên cứu cũng nhận thấy, FDI có tác động tích cực tới PCI, còn GRDP không ảnh hưởng tới PCI.

THẢO LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Kết quả nghiên cứu chỉ ra, việc thu hút FDI vào Hưng Yên trong thời gian qua độc lập với GRDP và PCI. Đường như việc thu hút FDI vào Tỉnh là phụ thuộc vào các yếu tố khác liên quan đến thuộc tính địa phương như các chính sách thu hút FDI. Với tác động

BẢNG 1: KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH TÍNH DỪNG

| Biến nghiên cứu | Trị số ADF | p-value |
|--------------------------|------------|---------|
| FDI | -2.51515 | 0.1294 |
| GRDP | 0.033133 | 0.9507 |
| PCI | -0.034470 | 0.6472 |
| Sai phân bậc nhất | | |
| FDI | -6.83444 | 0.0000 |
| GRDP | -3.07782 | 0.0466 |
| PCI | -3.56749 | 0.0027 |

BẢNG 2: KẾT QUẢ KIỂM TRA MỐI QUAN HỆ DÀI HẠN

| Rank | Trace statistics | Critical Value 5% | p-value |
|------|------------------|-------------------|---------|
| 0 | 29.72871 | 24.27596 | 0.0093 |
| 1 | 12.08725 | 12.3209 | 0.0547 |
| 2 | 1.839444 | 4.129906 | 0.2059 |

BẢNG 3: KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH ĐỘ TRỄ TỐI ƯU

| Lag | LogL | LR | PPE | AIC | SC | HQ |
|-----|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| 0 | -31.60194 | NA | 0.439751 | 7.689320 | 7.755062 | 7.547450 |
| 1 | -13.72908 | 19.85873* | 0.074557* | 5.717574* | 5.980540* | 5.150094* |

* indicates lag order selected by the criterion

LR: sequential modified LR test statistic (each test at 5% level)

PPE: Final prediction error

AIC: Akaike information criterion

SC: Schwarz information criterion

HQ: Hannan-Quinn information criterion

Nguồn: Kết quả từ phần mềm EViews

BẢNG 4: KẾT QUẢ MÔ HÌNH VAR

| | Coefficient | Std. Error | t-Statistic | p-value |
|-----------------------------|-------------|------------|-------------|---------|
| Biến phụ thuộc: FDI | | | | |
| DLFDI(-1) | 0.092477 | 0.365008 | 0.253356 | 0.8027 |
| DLGRDP(-1) | -0.88046 | 3.816296 | -0.23071 | 0.8200 |
| PCI(-1) | -2.89027 | 7.478866 | -0.38646 | 0.7035 |
| Biến phụ thuộc: GRDP | | | | |
| DLFDI(-1) | 0.13016 | 0.004139 | 31.44678 | 0.0000 |
| DLGRDP(-1) | -0.02994 | 0.043275 | -0.69173 | 0.4975 |
| PCI(-1) | -0.12343 | 0.084808 | -1.45535 | 0.1619 |
| Biến phụ thuộc: PCI | | | | |
| DLFDI(-1) | 0.034599 | 0.013412 | 2.57977 | 0.0184 |
| DLGRDP(-1) | -0.21244 | 0.131756 | -1.61238 | 0.1234 |
| PCI(-1) | -0.29237 | 0.260685 | -1.12155 | 0.2760 |

Nguồn: Kết quả từ phần mềm EViews

tích cực từ FDI lên GRDP tỉnh Hưng Yên, có thể thấy nguồn vốn FDI vẫn là kênh quan trọng trong việc thúc đẩy các hoạt động công nghiệp, dịch vụ trong Tỉnh. Đồng thời, tạo ra nhiều công ăn việc làm cho người dân khu vực Tỉnh cũng như địa bàn lân cận.

Các nhà đầu tư nước ngoài không đưa ra quyết định đầu tư dựa trên chỉ số PCI của tỉnh Hưng Yên (PCI không ảnh hưởng tới thu hút đầu tư FDI vào Tỉnh). Do vậy, trong những năm gần đây, các nhà đầu tư không còn coi chỉ số PCI ở Hưng Yên là chỉ tiêu quan trọng.

Ngược lại, FDI có tác động tích cực lên PCI Hưng Yên. Thực tế, quá trình làm việc với doanh nghiệp nước ngoài thúc đẩy cơ chế minh bạch cũng như mở cửa hơn, tạo điều kiện hơn cho các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh. Đồng thời, FDI tăng lên làm cho

hạ tầng cải thiện..., qua đó cải thiện chỉ số CPI.

Cuối cùng, nền kinh tế của Tỉnh tăng trưởng là tín hiệu tích cực cho nhà đầu tư nước ngoài, nhưng không phải là nguyên nhân trực tiếp dẫn tới việc cải thiện PCI.

Dựa trên kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả cho rằng, trong thời gian tới, tỉnh Hưng Yên cần tiếp tục đẩy mạnh thu hút nguồn vốn FDI, đặc biệt là FDI chất lượng cao. Đồng thời, sử dụng hiệu quả nguồn vốn FDI này, qua đó thúc đẩy GRDP và phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ, tạo hiệu ứng lan tỏa để nâng cao vị thế và năng lực cạnh tranh của Tỉnh. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Cẩm Hiếu (2016). *Tác động của chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) đến tình hình thu hút vốn FDI trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên - Huế giai đoạn 2006-2014*, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế
2. Adams, S. (2009). Foreign direct investment, domestic investment, and economic growth in Sub-Saharan Africa, *Journal of Policy Modeling*, 31(6), 939-949
3. Akaike, H. (1973). *Information Theory and an Extension of the Maximum Likelihood Principle*, in B. N. Petrov, F. Csaki (Eds.). *Proceedings of the 2nd International Symposium on Information Theory* (pp. 267-281). Budapest: Akademiai Kiado
4. Blanc-Brude, F., Cookson, G., Priesse, J., Strange, R. (2014). The FDI location decision: Distance and the effects of spatial dependence, *International Business Review*, 23(4), 797-810
5. Gujarati, D. N. (2009). *Basic econometrics*, Tata McGraw-Hill Education
6. Meyer, K. E., Nguyen, H. V. (2005). Foreign investment strategies and subnational institutions in emerging markets: Evidence from Vietnam, *Journal of management studies*, 42(1), 63-93
7. Solow, R. M. (1956). A contribution to the theory of economic growth, *The quarterly journal of economics*, 70(1), 65-94
8. Sunde, T. (2017). Foreign direct investment, exports and economic growth: ADRL and causality analysis for South Africa, *Research in International Business and Finance*, 41, 434-444
9. WTO (1996). *Annual Report 1996*